

HOÀN THIỆN CƠ CHẾ PHÂN BỐ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NHẪM NÂNG CAO TÍNH HIỆU QUẢ, TÍNH CÔNG BẰNG VÀ TÍNH LINH HOẠT ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP VIỆT NAM HIỆN NAY

¹ThS. Huỳnh Xuân Hiệp²ThS. Phạm Thị Hà An¹Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM²Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật TP.HCM

Ngày gửi bài: 10/10/2014

Ngày chấp nhận đăng: 2/11/2014

Tóm tắt

Ngân sách nhà nước là nguồn tài chính quan trọng cho việc duy trì và thúc đẩy hoạt động của các trường đại học công lập. Trong tiến trình tăng tính tự chủ tài chính cho các trường đại học, cơ chế phân bổ ngân sách đã có những cải tiến nhất định theo hướng ngày càng linh hoạt. Tuy vậy nhìn chung, phương thức phân bổ ngân sách vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, tính hiệu quả, công bằng chưa cao, chưa theo kịp trước những thay đổi của môi trường đào tạo. Bài viết này phân tích thực trạng cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước cho các trường đại học công lập, qua đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước cho các trường.

Từ khóa: cơ chế phân bổ, ngân sách nhà nước, đại học công lập

Abstract

State budget is an important financial resource which helps maintain and improve state universities' activities. In the process of raising financial independence of universities, the policy of delivering budget still remain many weaknesses such as the lack of effectiveness and equality as well as being unable to catch up with changes in the educational environment. This paper is aimed at analyzing real matters of state budget delivering policy for state universities so that the researcher will suggest some solutions to make this policy more perfect.

1. Lý luận về Cơ chế phân bổ ngân sách cho các trường đại học công lập

1.1. Quan niệm về cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước

Trong khoa học nói chung, thuật ngữ “cơ chế” thường được giải thích là “cách thức theo đó một quá trình thực hiện” (Viện Ngôn ngữ học, 2010). Trong lĩnh vực kinh tế, thuật ngữ “cơ chế” được hiểu và sử dụng với nghĩa là những qui định về quản lý.

Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu - chi của Nhà nước đã được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước quyết định và được thực hiện trong một năm để đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

Như vậy, cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước là tổng hòa các chế độ, quy tắc, phương pháp phân bổ ngân sách được quy định trong một hệ thống các văn bản do chủ thể có thẩm quyền ban hành cho một đối tượng cụ thể.

1.2. Cơ chế phân bổ ngân sách cho các trường đại học công lập

Về nguyên tắc, có thể có 5 cách Nhà nước cung cấp tài chính cho các trường đại học công lập.

Cách thứ nhất: Trường trình một dự toán ngân sách định kỳ (thường là một năm) dựa trên những tính toán của trường về chi phí đối với lương của cán bộ quản lý, giảng viên và các yếu tố đầu vào khác. Với những khoản tiền được cấp, trường phải dùng các khoản tiền này vào những khoản mục đã đề ra (cấp ngân sách nhà nước theo đầu vào).

Cách thứ hai: Trường được cấp một khoản kinh phí “trọn gói”, dựa trên số tiền được cấp năm trước cộng với khoản gia tăng thêm hàng năm, và được phép sử dụng số tiền này theo mục tiêu của mình trong khuôn khổ của pháp luật.

Cách thứ ba: Tiền được cấp dựa trên một công thức phản ánh được các hoạt động đã qua nhưng trường được tự do sử dụng theo mục tiêu của mình. Cơ sở để tính cho phần lớn các công

thức là số lượng các hoạt động đào tạo (số môn, số cấp học, hệ số quy đổi để phản ánh chất lượng học tập của sinh viên v.v).

Cách thứ tư: Chính phủ mua dịch vụ học thuật của các trường đại học. Điều này tương tự như cách thứ ba nêu trên, nhưng tiền được cấp dựa trên khả năng hoạt động của trường trong tương lai chứ không dựa trên hoạt động đã qua của nhà trường (cấp theo đầu ra).

Cách thứ năm: Trường đại học bán các dịch vụ giảng dạy, nghiên cứu và tư vấn cho nhiều loại hình khác nhau, cho những người sử dụng là sinh viên và các cơ quan công quyền để lấy kinh phí hoạt động.

Trên thực tế, cơ chế cấp kinh phí cho giáo dục đại học thường là sự kết hợp của hai hay nhiều cách trên. Hiện nay, người ta hay thảo luận đến các cách kết hợp khác nhau của cách ba, cách bốn và cách năm.

Thông thường đối với các trường đại học công lập, từ 70% đến 95% nguồn tài chính là do Nhà nước cấp. Trong những năm qua, ở nhiều nước đã diễn ra sự chuyển đổi việc cung cấp kinh phí cho các trường đại học công lập từ phương thức dựa trên đầu vào sang phương thức dựa trên kết quả đầu ra.

Với phương thức cấp ngân sách dựa trên đầu vào, các khoản tiền Nhà nước cung cấp để đáp ứng các khoản chi phí đầu vào của trường như: trả lương cho nhân viên, mua thiết bị, các khoản chi đào tạo, thuê mướn nhà cửa. Nhà trường được yêu cầu chi tiêu theo các khoản tiền đầu vào mà họ được cấp, trong khuôn khổ đủ, các trường đại học công lập tự quyết định các sản phẩm đầu ra của mình.

Với phương thức cấp ngân sách dựa trên kết quả đầu ra, Nhà nước cung cấp kinh phí cho các trường theo dịch vụ mà trường cung cấp cho nền kinh tế xã hội. Có thể nói rằng, thực tế đó là Nhà nước đã “mua” các sản phẩm và dịch vụ của trường. Nhà trường cần phân bổ các nguồn lực đầu vào hợp lý để tạo ra những sản phẩm đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

1.3. Tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của cơ chế phân bổ ngân sách

Mức độ hoàn thiện của cơ chế phân bổ ngân sách được đánh giá dựa trên nhiều tiêu chí khác nhau, tùy theo mục đích và phạm vi của người đánh giá. Trong bài này, tác giả đánh giá tính hoàn thiện của cơ chế phân bổ ngân sách dựa trên các tiêu chí: tính hiệu quả, tính công bằng, tính linh hoạt của cơ chế.

Tính hiệu quả của cơ chế

Hiệu quả của bất kỳ hoạt động nào đều được phản ánh thông qua mối quan hệ giữa lợi ích và chi phí. Đối với cơ chế phân bổ ngân sách, hiệu quả thể hiện sự tác động tới các chỉ tiêu liên quan, làm cho các chỉ tiêu này thay đổi theo hướng tích cực, với một mức chi phí thấp nhất. Hiệu quả của cơ chế phân bổ ngân sách có thể được đánh giá thông qua các chỉ tiêu sau:

- i) Số bài báo khoa học của giảng viên/vốn ngân sách
- ii) Số công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên/vốn ngân sách
- iii) Số sinh viên ra trường có việc làm đúng chuyên ngành trong một năm/vốn ngân sách
- iv) Tỷ lệ tổng nguồn thu thuần/vốn ngân sách

Ý nghĩa của các chỉ tiêu đánh giá tính hiệu quả của cơ chế:

+ Số bài báo khoa học của giảng viên/vốn ngân sách: thể hiện hiệu quả của vốn ngân sách đối với công tác nghiên cứu khoa học của giảng viên tại một trường đại học công lập.

- + Số công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên/vốn ngân sách: thể hiện hiệu quả của vốn ngân sách đối với công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên tại một trường đại học công lập.
- + Số sinh viên ra trường có việc làm đúng chuyên ngành trong một năm/vốn ngân sách: thể hiện vốn ngân sách tác động đến công tác nâng cao chất lượng đào tạo chuyên ngành cụ thể tại một trường đại học công lập.
- + Tỷ lệ tổng nguồn thu thuần/vốn ngân sách: thể hiện khả năng tự chủ tài chính tại một trường đại học công lập. Chỉ tiêu này càng cao càng thể hiện khả năng tự chủ tài chính.

Tính công bằng của cơ chế

Albrecht (1995) cho rằng, tính công bằng thể hiện cơ chế tài chính phải đảm bảo sự hài hòa giữa quyền lợi và trách nhiệm, sự cân bằng giữa chi phí và lợi ích đem lại. Đối với cơ chế cấp phát ngân sách nhà nước cho các trường đại học, tính công bằng thể hiện ngân sách được cấp căn cứ vào số lượng và chất lượng, hiệu quả của dịch vụ đào tạo mà nhà trường cung cấp cho xã hội thay vì căn cứ vào chỉ tiêu số lượng đầu vào mang tính chất cào bằng.

Tính linh hoạt của cơ chế

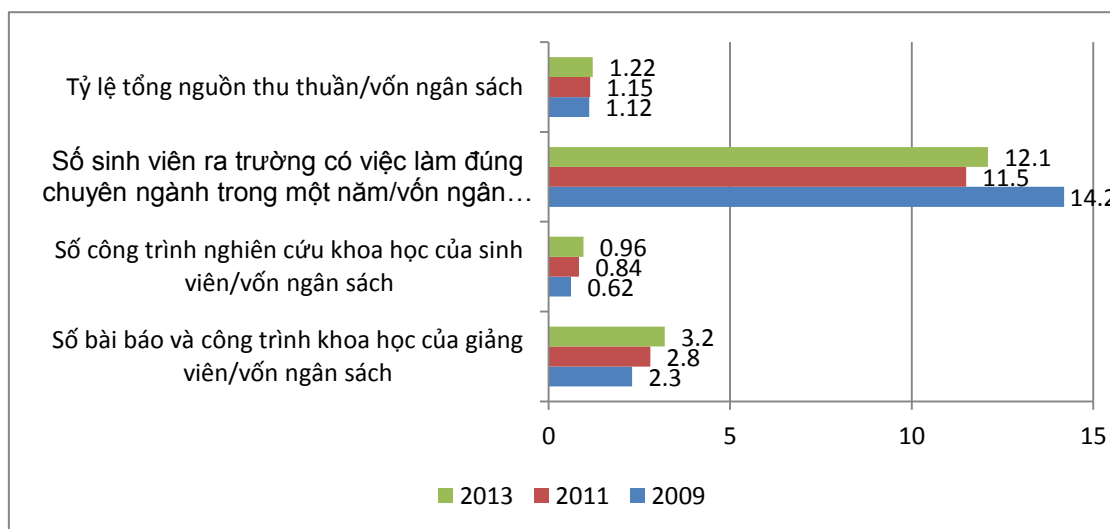
Tính linh hoạt của cơ chế cấp phát ngân sách thể hiện thủ tục cấp phát ngân sách đơn giản, gọn nhẹ, thời gian xét duyệt và giải ngân nhanh, các trường có mức độ tự chủ cao trong việc sử dụng nguồn vốn ngân sách.

2. Thực trạng cơ chế phân bổ ngân sách ở các trường đại học công lập Việt Nam hiện nay

Để đánh giá mức độ hoàn thiện của cơ chế tài chính trường đại học công lập, tác giả chọn một mẫu gồm 28 trường đại học trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh. Phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu này là phương pháp phân tầng. Trước tiên, tổng thể các trường đại học công lập được phân chia thành các nhóm theo tiêu thức ngành đào tạo. Sau đó trong từng nhóm, tác giả lại phân chia các trường thành từng tổ theo tiêu thức mức độ tự chủ tài chính. Đối với mỗi tổ, tác giả chọn ngẫu nhiên các trường và đảm bảo số đơn vị của mỗi tổ được chọn tuân theo tỷ lệ số đơn vị của tổ đó trong tổng thể. Mẫu điều tra gồm 8 trường thuộc khối kinh tế, 12 trường thuộc khối kỹ thuật, 5 trường thuộc khối sư phạm và nghệ thuật. Bảng câu hỏi (số bảng câu hỏi phát ra là 28, số bảng câu hỏi thu về là 25) được gửi trực tiếp cho các chuyên gia quản lý tài chính ở các trường, qua đó thu được kết quả đánh giá của người được phỏng vấn đối với cơ chế tài chính hiện hành. Phương pháp sử dụng trong bài viết bao gồm thống kê mô tả, so sánh và diễn dịch nhằm đạt được mục tiêu nghiên cứu.

2.1. Tính hiệu quả của cơ chế phân bổ ngân sách

Hình 1. Hiệu quả của cơ chế phân bổ ngân sách



Nguồn: Điều tra của tác giả từ 25 trường đại học

Nhìn chung, hiệu quả cơ chế phân bổ ngân sách ngày càng được cải thiện, tuy nhiên mức độ cải thiện thể hiện qua các chỉ tiêu không đều nhau. Chỉ tiêu “số bài báo khoa học của giảng viên/vốn ngân sách” và “số công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên/vốn ngân sách” có xu hướng cải thiện mạnh nhất, trong khi chỉ tiêu “số sinh viên ra trường có việc làm đúng chuyên ngành trong một năm/vốn ngân sách” suy giảm mạnh trong năm 2011 và sau đó cải thiện không đáng kể trong năm 2013. Chỉ tiêu “Tỷ lệ tổng nguồn thu thuần/vốn ngân sách cải thiện không đáng kể”. Các kết quả này cho thấy nguồn tài chính cho các trường đại học công lập vẫn phụ thuộc phần lớn vào nguồn vốn ngân sách, ngoài ra chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội, dẫn đến tỷ lệ sinh viên ra trường tìm được việc làm đúng chuyên ngành chưa cao.

2.2. Tính công bằng của cơ chế phân bổ ngân sách

Hiện nay, việc cấp phát, phân bổ ngân sách trong lĩnh vực đào tạo theo cơ chế khoán, căn cứ vào dự toán năm trước liền kề để làm cơ sở giao kinh phí năm sau cộng với một tỷ lệ tăng chi của Nhà nước cho GDDH. Nhìn chung, cơ chế tài chính vẫn chưa thể hiện được việc giao kinh phí ngân sách nhà nước gắn với việc giao khối lượng và ràng buộc về chất lượng dịch vụ đào tạo đại học. Phương thức phân bổ ngân sách áp dụng hiện hành theo cơ chế giao dự toán trên cơ sở các định mức phân bổ đã làm hạn chế hiệu quả trong sử dụng nguồn lực ngân sách. Cơ chế cấp phát ngân sách một cách bình quân chủ nghĩa, cào bằng, không gắn với kết quả đào tạo là nguyên nhân không thúc đẩy thực sự tính chủ động của các đơn vị dự toán, không tạo điều kiện nâng cao chất lượng đào tạo, không giúp tăng sức cạnh tranh của các đơn vị đào tạo trong nước. Tính công bằng thấp trong cơ chế tài chính còn thể hiện:

Bảng 1: Suất chi phí đào tạo năm 2012*Đơn vị tính: triệu đồng*

Nhóm ngành	Chi phí đơn vị thực tế	Chi phí đơn vị hợp lý
Công nghệ và Kỹ thuật	5,51	20,91
Khoa học tự nhiên	6,82	20,65
Khoa học xã hội	5,86	15,56
Sư phạm và Quản lý giáo dục	6,50	14,22
Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản	6,02	22,25
Y dược	18,09	31,10
Kinh tế và Luật	4,85	13,41
Nghệ thuật	10,91	21,46
Trung bình	6,04	19,945

Nguồn: Lê Hồng Việt, Phạm Vũ Thắng (2014)

Một là, chính sách duy trì khung học phí thấp dẫn tới nhiều trường không muốn chuyển sang mô hình tự đảm bảo chi phí hoạt động do nguồn thu không đủ trang trải chi phí cho người lao động, chi phí trang thiết bị, phòng học, thư viện, giáo trình... Để có thêm nguồn thu, nhiều trường phải tăng quy mô đào tạo, mở rộng loại hình liên kết, đào tạo không chính quy... làm ảnh hưởng xấu tới chất lượng đào tạo. Chính sách học phí thấp làm tăng sự mất công bằng xã hội nhiều hơn bởi vì phần bù đắp cho học phí thấp lấy từ nguồn ngân sách nhà nước cấp. Song, tỷ lệ sinh viên thuộc tầng lớp có điều kiện kinh tế chiếm phần lớn nên tiền trợ cấp đó chủ yếu rơi vào tay người giàu. Điều này đã được khẳng định trong kết quả nghiên cứu của UNDP (United Nation Development programme) “có đến 35% NSNN trợ cấp cho giáo dục dành cho con em 20% cư dân giàu nhất, nhưng chỉ có 15% dành cho con em 20% dân cư nghèo nhất ” (99)

Hai là, Nghị định 43/CP chưa tạo ra sự công bằng trong chính sách tuyển sinh và tăng lương tối thiểu cho CBVC. Cụ thể, Nhà nước quy định mức thu lệ phí tuyển sinh thấp, không đủ bù đắp chi phí, dẫn tới các trường phải sử dụng một phần kinh phí chi thường xuyên để bù lỗ cho sinh viên. Ngoài ra, mỗi khi Nhà nước tăng lương tối thiểu cho CBVC thì các trường phải tự cân đối thu chi. Điều này làm cho các trường khó cân đối nguồn tài chính chi cho đầu tư phát triển, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2.3. Tính linh hoạt của cơ chế phân bổ ngân sách

Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định nội dung về cơ chế tự chủ trong quản lý tài chính của các đơn vị sự nghiệp GD&ĐT. Theo đó, bên cạnh việc quản lý theo trình tự dự toán đối với phần kinh phí được NSNN cấp, các đơn vị sự nghiệp GD&ĐT thực hiện cơ chế tự chủ tài chính gắn với tự chịu trách nhiệm về tổ chức, bộ máy, nhân sự và hoạt động. Một mặt, cơ chế này đã tạo điều kiện cho các trường chủ động, linh hoạt hơn trong tìm kiếm, khai thác, đa dạng hóa nguồn thu. Mặt khác, có chế này đã góp phần làm giảm hiện tượng lãng phí trong chi tiêu tài chính. Tuy cơ chế trao quyền tự chủ cho các đơn vị giáo dục và đào tạo đã phát huy được nhiều điểm tích cực song trên thực tế, cơ chế tự chủ về tài chính hiện hành vẫn còn một số bất cập.

Một là, cơ chế quản lý tài chính hiện hành còn thiếu sự phân biệt về cơ chế, chính sách giữa đơn vị thực hiện tự chủ 100% kinh phí thường xuyên và đơn vị thực hiện tự chủ một phần kinh phí thường xuyên. Các hoạt động sử dụng kinh phí thường xuyên tại đơn vị được thực hiện theo cơ chế tự chủ (về chi tiêu). Tuy nhiên, các đơn vị này cũng không được hưởng bất cứ cơ

chế tài chính ưu đãi nào về thu hoặc về các chính sách khác so với các đơn vị được giao tự đảm bảo một phần kinh phí. Khi so sánh về cơ chế, quyền lợi giữa các cơ sở giáo dục thực hiện tự chủ 100% kinh phí thường xuyên (không được ngân sách cấp kinh phí thường xuyên) so với các đơn vị thực hiện tự chủ một phần kinh phí thường xuyên (phần thiếu còn lại do ngân sách cấp) thì thấy không có sự khác biệt gì về chế độ, chính sách. Do vậy, không khuyến khích các đơn vị phát huy điểm mạnh của cơ chế tự chủ.

Hai là, các trường vẫn phải chịu sự quản lý, kiểm soát của nhiều cơ quan chức năng, đặc biệt là Kho bạc Nhà nước trong việc thanh toán, rút kinh phí để chi hoạt động. Kho bạc kiểm soát các quỹ của nhà trường, không cho chuyển tiền trích lập các quỹ sang tài khoản tiền gửi ở ngân hàng, hoặc các khoản thu học phí, lệ phí phải gửi vào Kho bạc và không được hưởng lãi suất.

3. Các giải pháp hoàn thiện cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước

3.1. Nâng cao tính hiệu quả cơ chế phân bổ ngân sách

Thực hiện các giải pháp đổi mới trong công tác quản lý, sử dụng các nguồn tài chính theo hướng đổi mới cơ cấu chi tiêu, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính. Chiếm tỷ trọng rất lớn trong chi hoạt động thường xuyên của các trường đại học công lập là chi cho con người. Do đó, nhà trường cần phải sắp xếp tổ chức lại bộ máy, biên chế và nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ tiền lương, tiền công; tiết kiệm những khoản chi hành chính; nâng cao tỷ trọng nội dung chi trực tiếp cho giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Cụ thể là:

Đối với chi trả thu nhập cho cán bộ viên chức: phải đảm bảo công khai và công bằng về quyền lợi, nghĩa vụ. Việc chi trả thu nhập cần chia thành hai phần tách biệt, bao gồm: 1) trả tiền lương, tiền công theo quy định của Nhà nước, căn cứ vào mức độ hoàn thành khối lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học của cá nhân. 2) Mức chi trả thu nhập tăng thêm cho các đối tượng cần có khoảng cách đủ lớn, thể hiện được tính cạnh tranh và dựa trên một bộ tiêu chí định lượng rõ ràng như học hàm, học vị, hệ số mức lương đang hưởng, thâm niên công tác, nhiệm vụ, chức vụ đảm nhận, sự đóng góp các công trình khoa học...

Đối với chi cho nghiên cứu khoa học: Các trường cần đổi mới cách thức quản lý, phân bổ tài chính, sử dụng ngân sách nội bộ cho nghiên cứu khoa học theo các hướng sau:

Một là, nâng mức chi cho nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nên dành riêng một phần kinh phí cấp cho các cá nhân, tập thể thực hiện nghiên cứu khoa học. Tiến hành xây dựng và ban hành tiêu chí phân bổ kinh tế dựa trên thành tích hoạt động nghiên cứu khoa học để tạo ra sự cạnh tranh giữa các cá nhân và tập thể.

Hai là, đẩy mạnh việc tuyển chọn đề tài theo nguyên tắc cạnh tranh và thực hiện cơ chế khoán chi. Các đề tài nên thực hiện theo cơ chế ký hợp đồng thỏa thuận, nhà trường ứng tiền trước để mua sản phẩm, không đòi hỏi phải làm đúng dự toán đã lập. Có các mức phạt hoặc thu hồi vốn đầu tư với trường hợp không hoàn thành hoặc sản phẩm đặt hàng không đạt yêu cầu... Thực hiện cơ chế khoán sẽ làm cho giảng viên không bị gò bó chạy theo chứng từ và dự toán chi tiết mà dành thời gian, trí tuệ cho nâng cao chất lượng, kết quả nghiên cứu của đề tài.

Ba là, đổi mới cơ chế lập dự toán các đề tài nghiên cứu. Các đề tài nghiên cứu lý thuyết, huy động chất xám là chủ yếu thì dự toán không cần có phần dự phòng; các đề tài liên quan đến điều tra, khảo sát hay thí nghiệm, thực hành thì dự toán được chia thành 2 phần là các chi và khoản dự phòng. Khoản dự phòng đưa ra nhằm đảm bảo các thí nghiệm, thực hành của đề tài được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc kể cả khi thị trường có biến động về giá.

Bốn là, xác định rõ nhiệm vụ nghiên cứu khoa học là nghĩa vụ bắt buộc đối với giảng viên. Giảm bớt tình trạng quá tải về giảng dạy, gắn nhiệm vụ giảng dạy với nhiệm vụ nghiên cứu khoa học bằng cách chỉ phân công thêm khối lượng giảng dạy khi giảng viên đã hoàn thành khối lượng định mức nghiên cứu khoa học.

3.2. Nâng cao tính công bằng của cơ chế phân bổ ngân sách

Đổi mới cách phân bổ ngân sách cho các trường đại học theo hướng công khai hóa, minh bạch hóa quy trình và các tiêu chí đánh giá đầu ra về chất lượng đào tạo, chất lượng công trình nghiên cứu, sự tham gia đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Thực hiện khung chỉ tiêu trung hạn với thời gian 5 năm để tạo ra tính ổn định của ngân sách, đồng thời giúp các trường có định hướng tốt hơn trong việc xây dựng các kế hoạch phát triển dài hạn.

Mức ngân sách phân bổ cho các trường không chỉ gắn với định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo, nghiên cứu khoa học mà còn phải gắn với kết quả kiểm định, xếp hạng nhà trường, đảm bảo có sự phân biệt giữa trường có chất lượng và hiệu quả cao với trường có chất lượng và hiệu quả thấp. Hoàn thiện và ban hành các tiêu chí giao dự toán ngân sách chi thường xuyên, chi không thường xuyên cho các trường dựa vào kết quả hoạt động, sự đóng góp cho Nhà nước và xã hội. Nhà nước cần ban hành một bộ tiêu chí, bao gồm các tiêu chí tài chính, về đánh giá chất lượng và hiệu quả hoạt động của các trường đại học và yêu cầu các trường đại học định kỳ phải báo cáo lên cơ quan quản lý nhà nước. Báo cáo phân tích tài chính của các trường đại học, cùng với báo cáo của cơ quan kiểm toán độc lập và cơ quan xếp hạng tín nhiệm, là cơ sở để Nhà nước phân bổ ngân sách cho các trường theo mức độ chất lượng đào tạo mà nhà trường đạt được.

3.3. Nâng cao tính linh hoạt và tự chủ tài chính cho các trường đại học

NSNN cấp cho các trường theo chế độ khoán và hậu kiểm theo phương thức thanh tra, kiểm toán định kỳ; trong năm các trường được trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp từ nguồn ngân sách cấp cho chi hoạt động thường xuyên để các trường có nguồn vốn chi cho đầu tư XD CB, mua sắm TSCĐ. Điều này sẽ tạo điều kiện để các trường có nguồn thu ngoài ngân sách thấp được chủ động và linh hoạt hơn trong đầu tư XD CB và mua sắm TSCĐ.

Xây dựng khung học phí đa dạng và linh hoạt, theo đó học phí gắn với tiêu chí ngành nghề, chương trình, cấp bậc đào tạo, đối tượng người học, kết quả kiểm định chất lượng, kết quả xếp hạng của trường đại học. Đối với hoạt động đào tạo cung cấp dịch vụ gắn với nhu cầu xã hội, cho phép các trường tự quyết định giá dịch vụ trên cơ sở tính đủ chi phí.

Tăng cường phân cấp quản lý đầu tư XD CB, mua sắm tài sản cho các trường tự thực hiện với giá trị lớn hơn. Các trường được tự chủ phê duyệt kế hoạch, sử dụng kinh phí từ các nguồn hợp pháp, được quyết định đối với các dự án đầu tư cơ sở vật chất có giá trị dưới 20 tỷ đồng.

Cho phép các trường dùng nguồn học phí, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên trong năm báo cáo để đầu tư XD CB, mua TSCĐ.

Giảm bớt sự kiểm soát chi của kho bạc nhà nước. Các trường chỉ phải mở tài khoản tại kho bạc để phản ánh các khoản kinh phí thuộc ngân sách cấp. Phần kinh phí trích lập các quỹ, khoản thu học phí, lệ phí và các nguồn thu hợp pháp khác thì cho phép các trường chuyển sang mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại để hưởng lãi, tiền lãi này được sử dụng là một nguồn thu hợp pháp.

4. Kết luận

Cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước cho các trường đại học công lập cần đảm bảo tính hiệu quả, tính công bằng và tính linh hoạt là một những mục tiêu quan trọng của cơ chế. Tuy

nhien, những mục tiêu này của cơ chế có được đảm bảo trong thực tế là vấn đề cần phải quan tâm.

Nghiên cứu đã tóm tắt được các nội dung cơ bản và phân tích thực trạng về cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước cho các trường đại học công lập, qua đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước nhằm nâng cao tính hiệu quả, tính công bằng và tính linh hoạt cho các trường đại học công lập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Albrecht, D. (1995). Financing universities in developing countries. (London, Flamer Press).
2. Lê Hồng Việt, Phạm Vũ Thắng (2014), Chính sách tăng cường nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước ở các trường đại học công lập – Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam, Tạp chí Kinh tế & Phát triển, số 200.
3. Viện Ngôn ngữ học (2010), Từ điển Tiếng Việt, Nxb Từ điển Bách khoa
4. Kết quả nghiên cứu khảo sát tại 25 trường đại học công lập tại Thành phố Hồ Chí Minh (2014)